TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST.
Ngày: 29-9-2017.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số:02/2017/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V.

Địa chỉ: Số 2, phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (Theo Quyết định ủy quyền số: 510/QĐ-HĐTV-PC gày 19 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V).

Địa chỉ chi nhánh: Số 459C phố B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

(Ông Lê Trung V ủy quyền lại cho ông Cao Văn T Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T theo văn bản ủy quyền số: 35/UQ/NHNoTĐ-HCNS ngày 20 tháng 6 năm 2017), *có mặt*.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L (Công ty L).

Địa chỉ: Khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn T – Chức vụ: Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L, *vắng mặt*.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 6 khu P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại Võ Thị Thu H (Công ty T).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 186 Đường P, phường V, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện tại: số 65/10 Đường H, phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Thu H – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại Võ Thị Thu H, *vắng mặt*.

3.2. Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1965, *vắng mặt*.

3.3. Đỗ Ngọc T, sinh năm 1960, *vắng mặt*.

Hộ khẩu thường trú: Số 381A khu P, phường T, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: 65/4/tổ 15, khu P, phường T, quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T có ông Cao Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 08 tháng 8 năm 2014 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T ký với Công ty L hợp đồng tín dụng số: 1483LAV201400595/HĐTD, số tiền cho vay là 90.000.000.000đồng, mục đích cho vay bổ sung vốn ngắn hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh giai đoạn 2014-2015 của Công ty L, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi suất quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn, Ngân hàng với Công ty L ký tiếp các phụ lục hợp đồng số 201400595/PL1 ngày 23/12/2014 và số 201400595/PL2 ngày

31/12/2014 và phụ lục hợp đồng không số ngày 19/3/2015. Tuy nhiên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T chỉ giải ngân Công ty L số tiền vay 89.500.000.000đồng (theo giấy nhận nợ lần 01 ngày 16/9/2014 số tiền 50.000.000.000đồng và giấy nhận nợ lần 02 ngày 25/12/2014 số tiền 39.500.000.000đồng).

Sau đó Công ty L (do ông Trương Tế H là người thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 10/BĐĐC, địa chỉ 72/2 Đường T, phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh giá trị thế chấp là: 89.660.000.000đồng, đảm bảo cho mức dư nợ tối đa là 60.000.000.000đồng theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 09092014/HĐTC TS ngày 09/09/2014, số công chứng 18299, quyển số 09 tại Phòng Công chứng số D – Sở tư pháp thành phố Hồ Chí Minh - đã trả tiền vốn gốc và lãi) cụ thể như sau:

- Ngày 30/8/2016 trả tiền gốc: 20.000.000.000đồng (chứng từ giao dịch, số thu nợ số: 1483-LRP-201604094);

- Ngày 01/9/2016 trả tiền gốc: 5.000.000.000đồng (chứng từ giao dịch, số thu nợ số: 1483-LRP-201604119);

- Ngày 01/9/2016 trả tiền gốc: 5.000.000.000đồng (chứng từ giao dịch, số thu nợ số: 1483-LRP-201604127);

- Ngày 22/9/2016 trả tiền gốc: 19.999.000.000đồng (chứng từ giao dịch, số thu nợ số: 1483-LRP-201604300);

- Ngày 23/9/2016 trả tiền gốc và lãi: 3.146.000.250đồng, trong đó: tiền gốc 1.000.000đồng, tiền lãi 3.145.000.250đồng (chứng từ giao dịch, số thu nợ số: 1483-LRP-201604312);

- Ngày 23/9/2016 trả tiền gốc và lãi: 12.014.500.000đồng, trong đó: tiền gốc 10.000.000.000đồng, tiền lãi 2.014.000.250đồng (chứng từ giao dịch, số thu nợ số: 1483-LRP-201604314);

Hiện nay Công ty L còn nợ tiền gốc của ngân hàng là 29.500.000.000đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên Công ty L có thế chấp 4 loại tài sản đảm bảo nhưng trong quá trình thanh toán nợ đã giải thế chấp 01 loại tài sản (của ông Trương Tế H) vì đã thanh toán xong nghĩa vụ thế chấp, tài sản thế chấp cho khoản vay còn nợ hiện tại gồm các tài sản sau:

Tài sản thứ 1: Tổng giá trị tài sản thế chấp là 45.000.000.000đồng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng ngày 17/12/2014, số công chứng 9030 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 do Phòng công chứng số H, tỉnh Bình Dương chứng nhận bà L và ông T đứng ra bảo lãnh cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 821348, số vào sổ cấp GCN: CH01903 do Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 9 năm 2011, tại phường Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T và tài sản được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T, tỉnh Bình Dương ngày 18/12/2014.

Tài sản thứ 2: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2904/2014/HĐTCTS ngày 28/04/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, bên thế chấp là Công ty L. *Tổng giá trị 9.451.750.000đồng theo chi tiết tài sản như sau*:

- 04 (bốn) máy đánh bóng gạo RP80 tự động phun nước và đón mở liệu, năng suất 8-9 T/h và các phụ kiện kèm theo; 02 (hai) máy đánh bóng gạo RP80 tự động phun nước và đón mở liệu, năng suất 7-8 T/h và các phụ kiện kèm theo; 04 (bốn) tháp sấy làm mát RCD 200 A và các phụ kiện kèm theo, giá trị là 4.838.988.000đồng, hóa đơn số 0002596 ngày 11/12/2013.

- 12 (mười hai) bộ máy lau bóng gạo RS40; 02 (hai) bộ máy lau bóng gạo RS80; 04 (bốn) bộ sàng đảo và trống chọn SF 120-LS60x2, giá trị là 4.612.762.000đồng, hóa đơn số 0000937 ngày 15/10/2013.

Tài sản thứ 3: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 3112/2014/HĐTCTS ngày 31/12/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, bên thế chấp là Công ty T và Bên vay vốn là Công ty L. *Tổng giá trị là 12.106.542.750đồng theo chi tiết tài sản như sau*:

- Máy xát trắng CDA-100C, giá trị là 897.135.800đồng, hóa đơn số 0003065 ngày 17/10/2011.

- Đầu máy lau bóng gạo và các phụ kiện kèm theo, giá trị là 737.550.000đồng, hóa đơn số 0000253 ngày 07/11/2011.

- Tháp sấy-làm mát RCD160A và các phụ kiện kèm theo, giá trị là 406.560.000đồng, hóa đơn số 0001224 ngày 23/11/2011.

- Moto 110KW, giá trị là 297.000.000đồng, hóa đơn số 0055421 ngày 07/12/2011.

- Trạm biến áp 3P-1250 KVA, giá trị là 847.699.000đồng, hóa đơn số 0000008 ngày 03/3/2012.

- Máy lau bóng gạo RS80 SINCO và các phụ kiện kèm theo, giá trị là 1.054.900.000đồng, hóa đơn số 0000433 ngày 04/5/2012.

- Hệ thống thép lá, thép tấm để hoàn chỉnh dây chuyền, giá trị là 599.999.950đồng, hóa đơn số 0000716 ngày 09/5/2012.

- Máy bóc vỏ lúa CL-800B, giá trị là 262.848.300đồng, hóa đơn số 0000926 ngày 10/5/2012.

- Máy xát trắng CDA-100C, quạt+motor 25HP, đường ống, máy bóc vr lũa CL-800B, giá trị là 1.562.689.700đồng, hóa đơn số 0000972 ngày 10/5/2012.

- Máy đánh bóng CBL-10C, giá trị là 487.300.000đồng, hóa đơn số 0002086 ngày 15/8/2012.

- Các thiết bị máy móc đính kèm dây chuyền, giá trị là 2.406.800.000đồng, hóa đơn số 0000376 ngày 05/12/2012.

- Thiết bị xay xát gồm: Máy đánh bóng gạo RP80 và các phụ kiện kèm theo, tháp sấy làm mát RCD 160A và các phụ kiện kèm theo, hệ thống thoát hơi tháp sấy, giá trị là 883.630.000đồng, hóa đơn số 0000523 ngày 17/12/2012.

- Máy lau bóng gạo RS80 SINCO và các phụ kiện kèm theo, giá trị là 1.056.000.000đồng, hóa đơn số 0000648 ngày 03/01/2013.

- Tháp sấy làm mát RCD 160A và các phụ kiện kèm theo, hệ thống thoát hơi tháp sấy, giá trị là 428.230.000đồng, hóa đơn số 0000745 ngày 29/01/2013.

- Trống chọn LS60x2 và động cơ kèm theo, giá trị là 178.200.000đồng, hóa đơn số 0000696 ngày 04/02/2013.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty L chỉ thanh toán một phần tiền gốc và lãi nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi như cam kết, để nợ quá hạn kéo dài đến nay. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty L cũng không thanh toán số nợ trên cho ngân hàng. Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2017, Công ty L còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T tổng số tiền gốc và lãi là 37.231.062.500đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 29.500.000.000đồng, lãi trong hạn: 5.264.125.000đồng, lãi quá hạn: 2.466.937.500đồng (Tiền lãi được tính theo bảng tính gốc, lãi của Công ty L ngày 29/9/2017 cụ thể như sau: lãi trong hạn tính từ ngày 11/01/2016 đến 22/9/2016 nợ gốc 39.500.000.000đồng x 9%/năm x 256 ngày = 2.528.000.000đồng, tính từ ngày 23/9/2016 đến 28/9/2016 nợ gốc 29.500.000.000đồng x 9%/năm x 371 ngày = 2.736.125.000đồng; lãi quá hạn tính từ ngày 01/12/2015 đến 29/9/2017 nợ gốc 29.500.000.000đồng x 4,5%/năm x 669 ngày = 2.466.937.500đồng).

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T yêu cầu Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ cho ngân hàng là 37.231.062.500đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 29.500.000.000đồng, lãi trong hạn: 5.264.125.000đồng, lãi quá hạn gốc: 2.466.937.500đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 30/9/2017 đến khi trả xong nợ gốc. Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T trả nợ xong thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T trả lại toàn bộ giấy tờ, tài sản thế chấp cho Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T.

- Bị đơn Công ty L (đại diện theo pháp luật ông Cao Văn T) vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án.

Tuy nhiên ông Cao Văn T có đơn xin giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 12/9/2017 đồng thời cũng có ý kiến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T kiện yêu cầu Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ gốc cho ngân hàng là 29.500.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/8/2017 là 6.722.312.500đồng, ông T yêu cầu Tòa án căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 1483LAV201400595/HĐTD ngày 08/8/2014 để giải quyết theo pháp luật, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1- Công ty T (đại diện theo pháp luật bà Võ Thị Thu H): Vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2- Bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án.

Tuy nhiên bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T có đơn xin giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 12/9/2017 đồng thời ý kiến thừa nhận có ký bảo lãnh thế chấp tài sản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T để đảm bảo nợ vay cho bà Võ Thị Thu H và Công ty L. Đề nghị Tòa án giải quyết tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác

Tại phiên tòa, ông Cao Văn T người đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V– Chi nhánh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 37.231.062.500đồng (trong đó: tiền nợ gốc: 29.500.000.000đồng, lãi trong hạn: 5.264.125.000đồng, lãi quá hạn gốc: 2.466.937.500đồng), đến khi bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T không trả hết nợ vay thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp nếu phát mãi tài sản thế chấp của Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T không đủ trả số nợ trên thì Công ty L phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T.

Bị đơn Công ty L (đại diện theo pháp luật ông Cao Văn T) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T (đại diện theo pháp luật bà Võ Thị Thu H) vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án đã triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt thì đại diện bị đơn (ông Cao Văn T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tuyết L với ông Đỗ Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty T vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ hai lần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T có đơn yêu cầu Công ty L, Công ty T, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T thanh toán số tiền đã vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền: Xét, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty L, đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 02 năm 2013 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thì Công ty L có địa chỉ trụ sở chính tại: Khóm Y, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và doanh nghiệp hiện nay không có thông tin phá sản vẫn trong tình trạng hoạt động. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về số tiền nợ gốc:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 29.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số: 1483LAV 201400595 ngày 08 tháng 8 năm 2014, giấy nhận nợ lần 1 ngày 16/9/2014 và lần 2 ngày 25/12/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn và bảng tính gốc, lãi của Công ty L đến ngày 29/9/2017 thể hiện bị đơn còn nợ số tiền gốc như trên.

- *Về số tiền nợ lãi*: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 11 tháng 01 năm 2016 đến hết ngày 29 tháng 9 năm 2017, trong đó lãi trong hạn là 5.264.125.000đồng, lãi quá hạn gốc là: 2.466.937.500đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại hợp đồng tín dụng số: 1483LAV 201400595 ngày 08 tháng 8 năm 2014 giữa nguyên đơn và bị đơn thì hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên nghĩa vụ thanh toán tương đương với thời gian bị vi phạm và khoản lãi quá hạn.

Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ.

Đối với nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm liên đới đối với số nợ là 37.231.062.500đồng là không phù hợp. Bởi vì, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng ngày 17/12/2014, số công chứng 9030 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 do Phòng công chứng số H, tỉnh Bình Dương chứng nhận bà L và ông T đứng ra bảo đảm nợ vay cho Công ty L tại điểm 2.1 Điều 2. "Nghĩa vụ được bảo đảm" là "*Bên B tự nguyện đem tài sản thế chấp (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó – nếu có) thế chấp cho Bên A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Bên C tại các Hợp đồng cấp tín dụng hoặc bảo lãnh đã và / hoặc sẽ được ký kết giữa Bên A và Bên C (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có), trong đó số tiền gốc là 30.000.000.000đồng với các điều kiện cho vay, thời hạn vay, lãi suất tiền vay và quyền quản lý tiền vay theo quy định của Bên A. Các điều kiện chi tiết việc vay và cho vay khoản tiền nêu trên được ghi nhận cụ thể trong các Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan được ký giữa Bên A và Bên B và/ hoặc Bên C trước và / hoặc sau thời điểm các bên ký Hợp đồng này*"; Và Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 3112/2014/HĐTCTS ngày 31/12/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, Bên thế chấp là Công ty T và Bên vay vốn là Công ty L tại Điều 2. "Nghĩa vụ được bảo đảm" là "*Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó – nếu có) thế chấp cho Bên A để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Bên C tại các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa Bên A và Bên C (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có), trong đó số tiền gốc là 8.4747.580.000đồng*".

Như vậy, Nguyên đơn yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm liên đới với Công ty trả số tiền còn nợ 37.231.062.500đồng là không phù hợp mà trách nhiệm trả nợ là của Công ty L. Trường hợp Công ty L thanh toán không đủ hoặc không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thu

hồi nợ theo số tiền bảo đảm và các khoản chi phí và lãi phát sinh nếu có là là phù hợp.

[5] Xét thấy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và số tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu, đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 1483LAV 201400595 ngày 08 tháng 8 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng số 201400595/PL1 ngày 23/12/2014 và số 201400595/PL2 ngày 31/12/2014 và phụ lục hợp đồng không số ngày 19/3/2015, văn bản bảo lãnh hợp đồng thế chấp số công chứng 9030 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 do Phòng công chứng số H, tỉnh Bình Dương chứng nhận bà L, ông T; hợp đồng thế chấp tài sản số 2904/2014/HĐTCTS ngày 28/04/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, bên thế chấp là Công ty L và hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 3112/2014/HĐTCTS ngày 31/12/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, bên thế chấp là Công ty T đứng ra bảo lãnh cho khoản vay trên cam kết trường hợp bị đơn không trả được, không trả đủ thì ngân hàng toàn quyền xử lý tài sản thế chấp bảo lãnh cho khoản vay trên. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm : Bị đơn phải chịu án phí trên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T số tiền nợ gốc là 29.500.000.000đồng và tiền lãi là 7.731.062.500đồng, tổng cộng: 37.231.062.500đồng (Ba mươi bảy tỷ, hai trăm ba mươi một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2017 theo hợp đồng tín dụng số: 1483LAV201400595/HĐTD, ngày 08 tháng 8 năm 2014 và các phụ lục hợp đồng số 201400595/PL1 ngày 23/12/2014 và số 201400595/PL2 ngày 31/12/2014 và phụ lục hợp đồng không số ngày 19/3/2015 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

Ngay khi Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T có trách nhiệm trả lại các loại giấy, tài sản thế chấp bản chính theo hợp đồng thế chấp số công chứng 9030 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 do Phòng công chứng số H, tỉnh Bình Dương chứng nhận bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T; hợp đồng thế chấp tài sản số 2904/2014/HĐTCTS ngày 28/04/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, Bên thế chấp là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L và hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 3112/2014/HĐTCTS ngày 31/12/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, Bên thế chấp là Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại Võ Thị Thu H.

Nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L thanh toán không đủ hoặc không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo giá trị đảm bảo của các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng ngày 17/12/2014, số công chứng 9030 quyển số 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/12/2014 do Phòng Công chứng số H, tỉnh Bình Dương chứng nhận ông bà L, ông T đảm bảo trong đó số tiền gốc là 30.000.000.000đồng và tiền lãi, chi phí phát sinh nếu có.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 2904/2014/HĐTCTS ngày 28/04/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, bên thế chấp là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L.

- Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 3112/2014/HĐTCTS ngày 31/12/2014 được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Agribank Chi nhánh T, bên thế chấp là Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại Võ Thị Thu H đảm bảo trong đó số tiền gốc là 8.474.580.000đồng và tiền lãi, chi phí phát sinh nếu có.

Trường hợp nếu phát mãi tài sản thế chấp của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L, Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu thương mại Võ Thị Thu H, bà Phạm Thị Tuyết L và ông Đỗ Ngọc T không đủ trả số nợ trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu L phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 145.231.000đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi một nghìn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V – Chi nhánh T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 71.669.000đồng (Bảy mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BN/2013 09215 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hứa Quang Thông